TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
**TẠI ĐÀ NẴNG**
---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
---

Bản án số 161/2025/HC-PT
Ngày 13/3/2025
Về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ"*

**NHÂN DANH**
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Chủ tọa phiên tòa:* ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán
*Các Thẩm phán:* ông Trương Công Thi, ông Phùng Anh Dũng
***- Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Phương Mai
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 426/2024/TLPT-HC ngày 15/11/2024 về"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ" đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2024/HC-ST ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 486/2025/QĐ-PT ngày 12/02/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Người khởi kiện:

Ông Võ Hữu X, sinh năm 1936 và anh Võ Phước T, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên, đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Phạm Bảo T1, sinh năm 1986; địa chỉ 1 N, Phường E, thành phố T, Phú Yên, có mặt.

Người bị kiện:

- Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng;
- UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T là ông Nguyễn Văn K - Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố T có mặt.

- UBND xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên, ông Trịnh Văn T2 (Chủ tịch UBND xã B), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T, vắng;
- Ban Q1 quỹ đất thành phố T có ông Huỳnh Văn T3;
- Phòng quản lý Đô thị thành phố T, tỉnh Phú Yên có ông Huỳnh Văn N (chuyên viên);
- Chi cục Thuế thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt;
- Hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh tổng hợp xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng;
- Bà Bùi Thị Lệ U, sinh năm 1973, vắng;

- Ông Võ Quốc H, sinh năm 1993, vắng:
- Bà Võ Thị Bích Q, sinh năm 1999, vắng;

Cùng địa chỉ: thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện ngày 12/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Võ Hữu X và anh Võ Phước T (con trai ông X) trình bày:

Năm 1989, HTX N1 (gọi tắt là HTX N1) ký hợp đồng giao khoán cơ sở tiệm hàn, phục vụ cho nông nghiệp diện tích 60m2 cho ông Võ Hữu X, do ông X là chủ hộ gia đình nên đứng tên trên hợp đồng giao khoán, còn thực tế anh Võ Phước T đứng ra xây dựng, kinh doanh toàn bộ cơ sở từ năm 1989. Đến năm 1993, vì lý do điện yếu, cơ sở không hoạt động hiệu quả nên anh T chuyển sang kinh doanh bán buôn gỗ xẻ thành phẩm, gỗ cây tròn phục vụ xây dựng. Quá trình kinh doanh, năm 1990 anh T khai hoang đổ đất, san lấp hầm hố diện tích khoảng 70m2 sau nhà xây dựng nhà vệ sinh và bếp, sử dụng liên tục, hàng năm đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước.

Năm 2021, UBND xã B mời cha con anh T và hộ gia đình ông Đặng T4 (kề bên) đến xã làm việc, vận động tháo dỡ diện tích đất có quy hoạch mở rộng rộng Quốc lộ B. Tại buổi làm việc cha con anh T tự nguyện tháo dỡ công trình trên diện tích đất mở rộng làm đường, không yêu cầu đền bù nên đề nghị của cha con anh T về việc xin sửa chữa công trình trên diện tích đất còn lại được Chủ tịch UBND xã B và cán bộ địa chính nhất trí khi lập biên bản làm việc 29/4/2021. Sau đó, cha con anh T thực hiện đúng nội dung làm việc với xã U, đồng thời sửa chữa lại công trình còn lại để tiếp tục kinh doanh với sự giám sát của cán bộ địa chính và cán bộ tư pháp xã B, cán bộ đo đạc vì việc thu hồi có mốc giới, ranh giới rõ ràng theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc của Công ty TNHH Đ1 lập ngày 19/9/2020. Anh Võ Phước T đã bàn giao 61,1m2 cho Nhà nước thi công mở rộng Quốc lộ B, diện tích đất còn lại 56,6m2 anh T tiếp tục sử dụng, sửa cửa, sơn phết lại mặt tiền, còn nhà vệ sinh, hiện trạng kết cấu công trình vẫn còn giữ nguyên như cũ.

Thời gian sau đó, bất ngờ ngày 11/5/2023, cán bộ địa chính UBND xã B lập Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC kết luận ông Võ Hữu X có hành vi chiếm đất hành lang an toàn đường bộ để xây dựng công trình và ngày 05/6/2023, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 01/QĐ-KPHQ buộc ông Võ Hữu X thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tháo dỡ toàn bộ công trình chiếm dụng hành lang an toàn giao thông Quốc lộ B trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định. Anh T khiếu nại, nhưng UBND thành phố T trả lại đơn khiếu nại vì cho rằng anh T không có quyền khiếu nại.

Nay, anh T và ông X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: - Hủy Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC ngày 11/5/2023 của UBND xã B, thành phố T; - Hủy Quyết định số 01/QĐ-KPHQ ngày 05/6/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và hủy Quyết định số

01/QĐ-CC KPHQ ngày 27/6/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

* Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T trình bày:

Ngày 20/7/1989 ông Võ Hữu X có Đơn xin xây dựng cơ sở tiện hàn phục vụ nông nghiệp. Ngày 21/8/1989 HTX N1 có Tờ trình xin xây dựng cơ sở tiện hàn phục vụ nông nghiệp có vị trí phía Đông cạnh nhà máy X1 với diện tích 64m2, có xác nhận của UBND xã B. Ngày 21/8/1989 HTX N1 ký Hợp đồng giao khoán cơ sở tiện hàn phục vụ nông nghiệp cho ông Võ Hữu X với diện tích 60m2 (8m x 7,5m) có vị trí phía Đông nhà máy X1, cách nhà máy X1 3,5m với thời hạn hợp đồng là 5 năm. Ngày 01/01/1995 HTX N1 tiếp tục ký Hợp đồng cho thuê mặt bằng cho ông Võ Hữu X. Ngày 10/3/1999 UBND xã B tiếp tục hợp đồng cho thuê mặt bằng cho ông Võ Hữu X với diện tích 85m2 thời hạn cho thuê từ ngày 01/01/1999 đến 31/12/1999.

Ngày 03/8/2000 Đoàn thanh tra thị xã T có Báo cáo số 21/BC-ĐTTra và UBND thị xã T có Thông báo số 52/TB-UB ngày 09/3/2001 với kết luận giao UBND xã B: + Chấm dứt hợp đồng thuê mặt bằng năm 2001 được ký kết giữa UBND xã B với ông T5, ông Đ, ông H1, ông T4 và ông X; + Thanh lý hợp đồng cho thuê mặt bằng năm 2001 được ký kết giữa UBND xã B với các ông T5, Đ, H1, T4, X và tiến hành xác định số tài sản còn lại sau khi thanh lý hợp đồng; + Các công trình được cơ quan chức năng cho phép đã giao khoán cho hộ dân tự xây dựng trên mặt bằng cho thuê thì UBND xã lập hợp đồng xác định tỷ lệ còn lại và định giá trị hợp lý để thanh toán lại cho hộ dân đồng thời lập thủ tục xác lập quyền sở hữu nhà nước tiếp tục cho thuê đối với cá nhân, tổ chức có nhu cầu. Chú ý trong hợp đồng thuê phải nêu rõ trong quá trình thuê sử dụng tài sản nhà nước không được tự ý xây dựng mới, cơi nới thêm, mọi việc cải tạo, sửa chữa nhỏ đối với nhà của khi bị hư hỏng như: Chống dột, chống sập, lát nền, lát tường, ốp trần, thay của... phải được sự đồng ý của UBND xã B và không được quyền chuyển nhượng lại cho tổ chức, cá nhân khác. Nếu vi phạm những cam kết nêu trên và các điều khoản khác trong hợp đồng thì hợp đồng dương nhiên chấm dứt.

Năm 2020 thực hiện Tiểu dự án giải phóng mặt bằng thuộc dự án cải tạo nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B đối với đoạn thuộc địa bàn thành phố T thì cơ sở của ông Võ Hữu X được Công ty TNHH Đ1 đo đạc với số thửa 131, tờ bản đồ số 5, tổng diện tích 117,7m2, diện tích trúng giải tỏa 61,1m2, diện tích còn lại 56,6m2, gia đình ông Võ Hữu X tự tháo dỡ phần công trình thuộc phạm vi giải tỏa trả mặt bằng trả đất cho nhà nước, phần công trình trên đất còn lại gia đình ông X tự ý cải tạo, sửa chữa khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép. Ngày 11/5/2023, UBND xã B lập Biên bản số 04/BB-VPHC về lĩnh vực giao thông đường bộ đối với ông Võ Hữu X (con trai là anh Võ Phước T đang sử dụng) đã có hành vi: Chiếm dụng đất hành lang an toàn đường bộ để xây dựng công trình, cụ thể: ông Võ Hữu X đã chiếm dụng đất hành lang an toàn đường bộ của đường Quốc lộ B (nay là đường H) quy định tại điểm a, khoản 9, Điều 12, Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; có Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 12/5/2023 của UBND xã B gửi cho Phòng Quản lý đô thị để tham

mưu UBND thành phố ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt trường hợp ông Võ Hữu X (con trai Võ Phước T đang sử dụng). Ngày 24/5/2023, Phòng Quản lý đô thị lập biên bản số 01/BB-XM về xác minh tình tiết vụ việc vi phạm để xác định thời điểm ông Võ Hữu X chiếm dụng đất hành lang an toàn đường bộ. Ngày 26/5/2023, Phòng Quản lý đô thị có Công văn số 1075/QLĐT về việc đề nghị ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trường hợp ông Võ Hữu X (con trai Võ Phước T đang sử dụng), xã B, thành phố T. Ngày 05/6/2023, UBND thành phố ban hành Quyết định số 01/QĐ-KPHQ buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Võ Hữu X (con trai Võ Phước T đang sử dụng). Ngày 16/6/2023, UBND xã B có Báo cáo số 84/BC-UBND kết quả kiểm tra việc chấp hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Võ Hữu X (con trai Võ Phước T đang sử dụng). Ngày 27/6/2023, Phòng Quản lý đô thị có Tờ trình số 1311/TTr-QLĐT "về vệc đề nghị ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả" đối với ông Võ Hữu X (con trai Võ Phước T đang sử dụng), xã B, thành phố T. Ngày 27/6/2023, UBND thành phố ban hành Quyết định số 01/QĐ-CCKPHQ "Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Võ Hữu X (con trai Võ Phước T đang sử dụng), xã B, thành phố T.". Việc UBND thành phố ban hành Quyết định số 01/QĐ-KPHQ buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Võ Hữu X (con trai là ông Võ Phước T đang sử dụng) và Quyết định số 01/QĐ-CCKPHQ "Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Võ Hữu X (con trai Võ Phước T đang sử dụng), xã B, thành phố T" là đúng trình tự theo quy định nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hữu X và anh Võ Phước T.

* Người bị kiện UBND xã B, thành phố T trình bày:

Ngày 11/6/2021 UBND xã B tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 04/BBVPHC đối với anh Võ Phước T (con trai ông Võ Hữu X) đã có hành vi vi phạm hành chính chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn (đất quy hoạch giao thông) để cải tạo sửa chữa cơ sở kinh doanh tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 279D đo đạc năm 1993. Ngày 14/6/2021 UBND xã B lập Tờ trình số 40/TTr-UBND về việc đề nghị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Võ Phước T gửi UBND thành phố và Phòng Tài Nguyên và Môi trường thành phố T. Ngày 17/6/2021 UBND thành phố T có công văn số 2204/UBND v/v thống nhất gia hạn thời gian để xác minh, có cơ sở xử lý VPHC theo đề nghị của Phòng TN&MT tại Công văn số 187/TNMT ngày 16/6/2021, nội dung: thống nhất việc xin gia hạn thời gian để xác minh theo đề xuất, đồng thời giao UBND xã B kiểm tra, xác minh theo đề nghị của Phòng TN&MT. Ngày 23/6/2021 UBND xã B lập biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với anh Võ Phước T (con ông Võ Hữu X); tuy nhiên, nhận thấy việc lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Võ Phước T chưa đảm bảo về đối tượng vi phạm và chưa xác định rõ lĩnh vực vi phạm nên chưa tham mưu cho UBND thành phố T ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp này.

Ông Võ Hữu X sử dụng đất có nguồn gốc thuê đất của nhà nước, năm 2001 UBND thị xã T có Thông báo số 52/TB-UB ngày 09/3/2001 thông báo Kết luận cuộc họp thanh tra thị xã báo cáo kết quả thanh tra tình hình quản lý sử dụng đất đai tại xã B và xã H. Từ năm 2001 đến nay, UBND xã B không tiếp tục gia hạn hợp đồng thuê mặt bằng đối với ông Võ Hữu X, vì vậy hợp đồng thuê đất trước đây đã hết hạn. Việc Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 01/QĐ-KPHQ ngày 05/6/2023 về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 01/QĐ-CCKPHQ ngày 27/6/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T về cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 13/2024/HC-ST ngày 19/4/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Áp dụng các Điều 30, 32, 116, 157, 168; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 và 358 Luật Tố tụng hành chính; Luật xử lý vi phạm hành chính; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hữu X và anh Võ Phước T: - Hủy Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC ngày 11/5/2023 của UBND xã B, thành phố T; - Hủy Quyết định số 01/QĐ-KPHQ ngày 05/6/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; - Hủy Quyết định số 01/QĐ-CC KPHQ ngày 27/6/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; - Hủy bỏ Quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT ngày 04 tháng 07 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Về án phí: Chủ tịch UBND thành phố T và UBND xã B, thành phố T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho người khởi kiện 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000481 ngày 04/07/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và chi phí tố tụng khác: Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T và UBND xã B, thành phố T phải liên đới chịu 5.066.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và chi phí tố tụng khác. Người khởi kiện đã tạm ứng số tiền này nên người bị kiện có trách nhiệm phải hoàn trả cho người khởi kiện 5.066.000 đồng

Thời hạn, trình tự thủ tục thi hành và xử lý trách nhiệm với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án được thực hiện theo Nghị định 71/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- UBND và Chủ tịch UBND thành phố T kháng cáo

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- UBND và Chủ tịch UBND thành phố T giữ nguyên kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: đề nghị bác kháng cáo của UBND huyện T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ngày 21/8/1989, Hợp tác xã N1 ký Hợp đồng giao khoán cho ông Võ Hữu X quản lý kinh doanh cơ sở tiện hàn để phục vụ sản xuất nông nghiệp với diện tích đất cơ sở được giao khoán là 60m2 và tại Báo cáo kết quả thanh tra số 21/BC-BC-ĐTTra ngày 03/8/2000 thì Đoàn thanh tra thành phố Tuy Hòa kết luận thời điểm thanh tra diện tích đất cha con ông Võ Hữu X, anh Võ Phước T đang sử dụng là 107,2m2, diện tích tăng thêm do lấn chiếm. Tại Thông báo số 52/TB-UB ngày 09/3/2001, thông báo kết luận của Chủ tịch UBND thành phố T sau khi nghe thanh tra thị xã báo cáo kết quả thanh tra tình hình quản lý sử dụng đất tại xã B và xã H đã chỉ đạo: "Giao UBND xã B có trách nhiệm hoàn tất trước ngày 30/6/2001 một số công việc sau: Chấm dứt hợp đồng thuê mặt bằng năm 2001 được ký kết giữa UBND xã B với các ông T5; Đ; H1; T4; Xử và tiến hành xác định số tài sản còn lại sau khi thanh lý hợp đồng. Đối với những công trình được các cơ quan chức năng thuộc thị xã phê duyệt cho phép xây dựng mà UBND xã B đã giao khoán cho các ông T5, Đ; H1; T4; Xử tự bỏ vốn xây dựng trong phạm vi diện tích mặt bằng được thuê UBND xã B lập hợp đồng xác định tỷ lệ còn lại và định giá trị hợp đồng để thanh toán cho các ông nói trên, đồng thời lập thủ tục xác lập quyền sở hữu nhà nước được với các công trình đó và tiếp tục cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê sử dụng để sản xuất kinh doanh."; tuy nhiên, từ đó đến nay UBND xã B chưa thực hiện các công việc UBND thành phố T chỉ đạo trong kết luận, cụ thể chưa xác định tỷ lệ còn lại và định giá trị hợp đồng để thanh toán cho các hộ ký Hợp đồng nhận khoán đất nêu trên, chưa lập thủ tục xác lập quyền sở hữu nhà nước với các công trình trên đất.

[2] Xét, nội dung Thông báo thu hồi đất số 1818/TB-UBND ngày 22/4/2020 của UBND thành phố T phù hợp nội dung Biên bản làm việc ngày 29/4/2021 của UBND xã B (bút lục 15) với hộ ông Võ Phước T và hộ ông Đặng Quốc T6 ghi: "Qua nội dung làm việc 02 hộ thống nhất sẽ tháo dỡ phần bị ảnh hưởng dự án để trả lại mặt bằng cho nhà nước thi công dự án Cải tạo nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B đoạn thuộc địa phận thành phố T...", phần cuối Biên bản làm việc anh Võ Phước T ghi thêm ý kiến: "Hộ ông Võ Hữu X chấp nhận tháo gỡ phần trúng dự án Quốc lộ B, phần còn lại xây dựng để kinh doanh"; tuy nhiên, ngày 11/05/2023, UBND xã B tiếp tục lập Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-BPHC trong lĩnh vực giao thông đường bộ ghi: "ông Võ Hữu X có hành vi chiếm dụng đất hành lang an toàn của đường bộ của Quốc lộ B (nay là đường H) tại thôn N, xã B, thành phố T xây dựng công trình kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng

từ tháng 06/2021, hiện nay công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng cho đến nay. Hiện nay công trình này ông Võ Phước T con trai ông Võ Hữu X đang trực tiếp sử dụng kinh doanh."; như vậy, cùng hành vi lấn chiếm mở rộng diện tích đất so với diện tích đất được giao khoán thì cha con ông X đã bị UBND xã B lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 11/6/2021, ghi: "ông Võ Phước T có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn (đất QHGT) để cải tạo sửa chữa cơ sở kinh doanh tại thửa đất số 133, tờ bản đồ 279D (đo đạc năm 1993)" và ngày 14/6/2021 UBND xã B đã có Tờ trình số 40/TTr-UBND gửi UBND thành phố T đề nghị UBND thành phố T ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với anh Võ Phước T, nhưng ngày 11/05/2023 UBND xã B tiếp tục lập Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-BPHC đối với cha con ông X cùng về hành vi lấn chiếm đất là vi phạm nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 6 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung năm 2020): "Trường hợp biên bản vi phạm hành chính có sai sót hoặc không thể hiện đầy đủ, chính xác các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này thì phải tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật này để làm căn cứ ra quyết định xử phạt. Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được lập thành biên bản xác minh. Biên bản xác minh là tài liệu gắn liền với biên bản vi phạm hành chính và được lưu trong hồ sơ xử phạt.". Hơn nữa, khoản 3 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định "Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký; trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì những người được quy định tại khoản này phải ký vào từng tờ biên bản. Nếu người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản", nhưng, Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-BPHC do UBND xã B lập ngày 11/05/2023 thể hiện có 03 người làm chứng và 01 người lập biên bản nhưng chỉ có 01 người làm chứng là bà Nguyễn Thị Xuân T7 (Phó trưởng thôn N) ký đầy đủ từng tờ biên bản còn những người khác ký không đầy đủ.

[3] Mặt khác, khi đo đạc để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ B, theo hông báo thu hồi đất số 1818/TB-UBND ngày 22/4/2020 của UBND thành phố T thì diện tích đất gia đình ông X, anh T đang sử dụng là 117,7m2 (tăng 57,7m2 so với diện tích đất nhận giao khoán năm 1989); diện tích đất bị giải tỏa mở rộng Q là 61,1m2 và cha con ông X đã tự nguyện tháo dỡ công trình trên diện tích đất bị giải tỏa để mở rộng đường, không yêu cầu đền bù và chỉ còn sử dụng diện tích đất còn lại 56,6m2 để sản xuất, kinh doanh; như vậy, diện tích đất cha con ông X còn sử dụng ít hơn diện tích đất nhận khoán nên nếu diện tích đất cha con ông X còn sử dụng vẫn thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ thì UBND xã B và UBND thành phố T phải thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố T tại Thông báo số 52/TB-UB ngày 09/3/2001: "…Giao UBND xã B có trách nhiệm

hoàn tất trước ngày 30/6/2001 một số công việc sau: Chấm dứt hợp đồng thuê mặt bằng năm 2001 được ký kết giữa UBND xã B với các ông T5; Đ; H1; T4; Xử và tiến hành xác định số tài sản còn lại sau khi thanh lý hợp đồng. Đối với những công trình được các cơ quan chức năng thuộc thị xã phê duyệt cho phép xây dựng mà UBND xã B đã giao khoán cho các ông T5, Đ; H1; T4; Xử tự bỏ vốn xây dựng trong phạm vi diện tích mặt bằng được thuê UBND xã B lập hợp đồng xác định tỷ lệ còn lại và định giá trị hợp đồng để thanh toán cho các ông nói trên..", trường hợp sau khi thực hiện các công việc trên cha con ông X vẫn không chấp hành bàn giao đất (nếu là đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ) thì UBND thành phố T căn cứ các quy định của pháp luật về thu hồi, đền bù khi thu hồi đất để giải quyết, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho cha con ông X.

[4] Từ các căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cha con ông Võ Hữu X, hủy Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC ngày 11/5/2023 của UBND xã B, hủy Quyết định số 01/QĐ-KPHQ ngày 05/6/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và hủy Quyết định số 01/QĐ-CC KPHQ ngày 27/6/2023 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ, đúng pháp luật nên cấp phúc thẩm bác kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; UBND thành phố T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố T, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 13/2024/HC-ST ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0004409 ngày 14/6/2026 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Đặng Kim Nhân**